TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển, Ông Phạm Đình Bông
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa, chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2022/TLST-DS, ngày 02/6/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20A/2022/QĐXXST-DS, ngày 20/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-DS, ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam.
Địa chỉ: Số 01, phường C, quận Đ, TP Hà Nội.

Người được ủy quyền: Ông Đoàn Thanh C – C/v: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện K. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019).

Người được ủy quyền: Ông Vũ Quốc T - C/v: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện K (Theo văn bản ủy quyền ngày 6 tháng 6 năm 2022). Có mặt

***2. Bị đơn*:** Ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Minh Ph, anh Huỳnh Minh Ph – Vắng mặt không có lý do

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – ông Vũ Quốc T trình bày: Vào năm 2019 vợ chồng ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L có vay của Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K số tiền 80.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất là 12%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Số tiền nợ gốc được phân thành hai kỳ trả nợ, kỳ 1 vào ngày

15/12/2020 trả 5.000.000 đồng, kỳ 2 vào ngày 15/12/2021 trả 75.000.000 đồng, lãi suất 06 tháng trả một lần vào ngày 20. Khi vay gia đình ông Th, bà L có Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4a tờ bản đồ số 15 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 922108 được UBND huyện K cấp ngày 06/12/2010 và thửa đất số 78 tờ bản đồ số 32 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R509110 được UBND huyện K cấp ngày 06/3/2002 cho Ngân hàng để xử lý tài sản bảo đảm nhằm thu hồi hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp gia đình ông Th, bà L không thanh toán được nợ cho Ngân hàng.

Khi đến hạn thanh toán nợ nhưng gia đình ông Th, bà L không thực hiện nghĩa vụ của mình, đã nhiều lần ngân hàng đôn đốc gia đình ông Th, bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nhưng ông bà không thực hiện. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc là 80.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Th, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562 ngày 16/12/2019, cụ thể: Số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 20.882.739 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.074.247 đồng. Tổng số tiền ông Th bà L còn nợ là 105.956.986 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với việc xử lý tài sản mà ông Th, bà L cam kết thực hiện bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4a tờ bản đồ số 15 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 922108 được UBND huyện K cấp ngày 06/12/2010 và thửa đất số 78 tờ bản đồ số 32 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R509110 được UBND huyện K cấp ngày 06/3/2002

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Th trình bày:

Ông Huỳnh Th thừa nhận vợ chồng ông có vay vốn của Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh K, số tiền gốc còn nợ là 80.000.000 đồng. Do hiện nay gia đình ông Th, bà L khó khăn nên chưa thanh toán nợ được cho Ngân hàng. Ông Th thừa nhận lời trình bày của người đại diện Ngân hàng N là đúng sự thật về nội dung Hợp đồng tín dụng, cam kết thực hiện bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4a tờ bản đồ số 15 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 922108 được UBND huyện K cấp ngày 06/12/2010 và thửa đất số 78 tờ bản đồ số 32 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R509110 được UBND huyện K cấp ngày 06/3/2002. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông Th, bà L không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K thì ông Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 2019 vợ chồng bà có vay của Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện K số nợ gốc là 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm. Khi vay vợ chồng bà L, ông Th có cam kết dùng tài sản là quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4a tờ bản đồ số 15 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 922108 được UBND huyện K cấp ngày 06/12/2010 và thửa đất số 78 tờ bản đồ số 32 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R509110 được UBND huyện K cấp ngày 06/3/2002. Gia đình bà L không thế chấp tài sản cho Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của mình mà chỉ cam kết với Ngân hàng trường hợp khi đến hạn thanh toán nợ cho Ngân hàng mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì sẽ giao tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như trên để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Khi đến hạn thanh toán nợ nhưng do điều kiện khó khăn nên gia đình bà không thanh toán được nợ cho Ngân hàng. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh Ph, Huỳnh Minh Ph vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện K) số tiền 105.956.986 đồng, trong đó tiền nợ gốc 80.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 20.882.739 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.074.247 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562 ngày 16/12/2019.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BC 922108 được UBND huyện K cấp ngày 06/12/2010 mang tên hộ Huỳnh Th thuộc thửa đất số 4a, tờ bản đồ số 15 với diện tích 300 m^2 đất tọa lạc tại thôn X, xã Nâm N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 2650m^2 đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số R509110, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/3/2002 mang tên hộ Huỳnh Th thuộc thửa đất số: 78, tờ bản đồ số 32, với diện tích 2650 m^2 đất tọa lạc tại thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Về án phí: Buộc ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng N Việt Nam khởi kiện ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562 ngày 16/12/2019. Vì vậy, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L cư trú tại thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

[2.1]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562 ngày 16/12/2019 đã xác định được Ngân hàng N Việt Nam cho ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L vay số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng. Mục đích vay đầu tư chăn nuôi bò sinh sản; Thời hạn vay 24 tháng, số nợ gốc được trả làm 02 kỳ, kỳ hạn trả lãi vay là 06 tháng 01 lần, thời điểm trả nợ cuối cùng vào ngày 15/12/2021; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12%, lãi suất quá hạn bằng 150%, lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng N Việt Nam và bên vay là ông Huỳnh Th, Nguyễn Thị L. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay… đúng theo quy đinh tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

[2.2.1]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562 ngày 16/12/2019, giấy nhận nợ thì ông Th, bà L vay số tiền là 80.000.000 đồng. Ông bà chưa thanh toán được khoản tiền gốc, lãi nào cho Ngân hàng. Số tiền nợ gốc còn nợ là 80.000.000 đồng, khi đến hạn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng nhưng ông Th, bà L không thực hiện nghĩa vụ của mình. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà L phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại điểm khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562 ngày 16/12/2019 quy định về việc trả nợ gốc, lãi tiền vay có thể hiện: Khách hàng phải trả nợ gốc, lãi vào ngày đến hạn trả nợ ghi trên giấy nhận nợ. Do vậy, nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ gốc còn nợ là 80.000.000 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Tại mục 7 phần II giấy nhận nợ thể hiện lãi suất cho vay là 12%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn và lãi suất chậm trả là 10%/năm tính đến ngày 27/9/2022 số tiền lãi trong hạn ông Th, bà L còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 20.882.739 đồng; số tiền lãi quá hạn là 4.074.247 đồng.

Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số R 509110 được UBND huyện K cấp ngày 06/12/2010 mang tên hộ Huỳnh Th thuộc các thửa đất số: 78, tờ bản đồ số 32 đất tọa lạc tại thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Đăk N; diện tích: 2650m^2 đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số R509110, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/3/2002 mang tên hộ Huỳnh Th thuộc thửa đất số: 4a, tờ bản đồ số: 15 đất tọa lạc tại thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 300 m^2 đất ở tại nông thôn.

[3]. Ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 5.298.000 đồng tiền án phí dân sự sơ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Hoàn trả Ngân hàng N Việt Nam (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng N Việt nam – Chi nhánh K) số tiền 2.568.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng N Việt Nam (Người nộp tiền Nguyễn Trọng K) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003308, ngày 02/6/2022.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 155, Điều 184, Điều 227, Điều 266, Điều 271, điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 410, Điều 418, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng NViệt Nam – Chi nhánh K) số tiền 105.956.986 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 20.882.739 đồng; tiền lãi quá hạn 4.074.247 đồng.

2. Kể từ ngày 19/01/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201902562 ngày 16/12/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

3. Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số R 509110 được UBND huyện K cấp ngày 06/12/2010 mang tên hộ Huỳnh Th thuộc các thửa đất số: 78, tờ bản đồ số 32 đất tọa lạc tại thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 2650m^2 đất trồng cây lâu năm;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số R509110, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 06/3/2002 mang tên hộ Huỳnh Th thuộc thửa đất số: 4a, tờ bản đồ số: 15 đất tọa lạc tại thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 300 m^2 đất ở tại nông thôn.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 5.298.000 đồng ông Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ số tiền trên, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Hoàn trả Ngân hàng N Việt Nam (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng N Việt nam – Chi nhánh K) số tiền 2.568.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng N Việt Nam (Người nộp tiền Nguyễn Trọng K) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003308, ngày 02/6/2022.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện.Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Tím